

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

NGHĨA CỦA CHỮ 孝 HIẾU VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN PHẠM NGỌC HÀM* - NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**

TÓM TẮT: Chữ Hán là văn tự biểu ý, phản ánh khá toàn diện mọi mặt đời sống xã hội. Thông qua chữ Hán, người học có thể tìm hiểu được quan niệm của người xưa về quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với xã hội, nhất là đạo làm người. Cùng với dòng chảy lịch sử, quan niệm về đạo đức xã hội có những biến đổi nhất định, tuy nhiên, có những chân lí là vĩnh hằng. Chữ 孝 *hiếu* là một ví dụ tiêu biểu. Bài viết bằng phương pháp tổng hợp, phân tích, làm nổi rõ tính chất biểu ý và hàm nghĩa của chữ 孝 *hiếu*, từ đó liên hệ đến phương pháp dạy chữ kết hợp với bồi dưỡng đạo đức truyền thống, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho sinh viên, nhất là sinh viên các trường chuyên ngữ.

TỪ KHÓA: 孝 *hiếu*; chữ và nghĩa; giáo dục; chuyên ngữ; sinh viên Việt Nam.

NHẬN BÀI: 16/6/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 28/12/2021

1. Đặt vấn đề

Chữ Hán là văn tự biểu ý, phản ánh khá toàn diện mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có quan niệm về quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với xã hội, đặc biệt là cách đối nhân xử thế. Chữ Hán trong lịch sử đã từng là văn tự chính thống, sử dụng trong khoa cử lựa chọn nhân tài của nước ta. Từ khi thực hiện chính sách cải cách mở cửa, dạy học tiếng Hán ở nước ta ngày càng được coi trọng. Ngoài những trường chuyên ngữ ra, còn có nhiều trường đại học và cao đẳng mở mã ngành đào tạo tiếng Trung Quốc và Hán Nôm. Trong đó, Hán Nôm có thể coi là ngành có quan hệ mật thiết với tiếng Trung Quốc. Hiện nay, ngày càng nhiều sinh viên Hán Nôm chọn tiếng Trung Quốc làm chuyên ngành thứ 2 và thực tế đã chứng minh, những sinh viên này có nhiều ưu thế khi bước vào học tiếng Trung Quốc, trước hết là phương diện nhận biết chữ Hán, được coi khâu là khó nhất trong các bình diện của ngôn ngữ Trung Quốc. Trên tinh thần kế thừa và phát triển, chúng tôi cho rằng, trong quá trình dạy học tiếng Trung Quốc nói chung và chữ Hán nói riêng, giảng viên có thể thông qua phân tích mối quan hệ giữa chữ và nghĩa gợi mở cho sinh viên về nhân tố văn hóa trong ngôn ngữ và văn tự, trong đó có quan niệm về đạo làm người của người xưa, từ đó liên hệ với xã hội hiện đại ngày nay, góp phần giáo dục đạo đức truyền thống, trước hết là đạo hiếu đi đôi với trau dồi tri thức chuyên môn nghiệp vụ cho sinh viên hiện nay.

Về thành quả nghiên cứu chữ Hán kết hợp với dạy học, ở nước ta gần đây, trước hết phải nhắc đến tác giả Phạm Ngọc Hàm (2012) với cuốn *Chữ Hán: chữ và nghĩa*. Trong khuôn khổ 295 trang, cuốn sách trên cơ sở khái quát lại những vấn đề lí luận về chữ Hán, tiến hành phân tích mối liên hệ giữa chữ và nghĩa của khoảng 100 chữ Hán, từ đó rút ra hàm ý văn hóa của chúng. Chương cuối cùng với dung lượng 16 trang, tác giả đã bàn về phương pháp dạy học chữ Hán theo phương thức kết hợp các nhân tố ngôn ngữ với văn hóa thông qua phân tích cấu tạo, làm nổi bật mối liên hệ giữa chữ và nghĩa, nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giúp cho sinh viên vừa nắm được tri thức ngôn ngữ, vừa nâng cao hiểu biết về văn hóa qua ngôn ngữ. Ngoài ra, bài viết nhan đề *Các chữ 尊 tôn và 道 đạo với việc giảng dạy chữ Hán và đạo làm người* (2014), tác giả đã phân tích khá thấu đáo về cấu trúc và ngữ nghĩa của hai chữ 尊 *tôn* và 道 *đạo*, đồng thời dẫn ra nhiều cách lí giải của các bộ từ điển cũng như các nhà tư tưởng về hai chữ Hán này, đặc biệt là việc phân tích ý nghĩa chữ 道 *đạo* trong mối quan hệ với tư tưởng của Lão Tử, trên cơ sở đó liên hệ với truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt

* PGS.TS. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: phamngochamnnvhtq@gmail.com

** Học viện Y dược học Cổ truyền Việt Nam; Email: honghanh.bmnn@gmail.com

Nam. Phần hệ quả qua nghiên cứu đã gợi mở cho công tác dạy và học tiếng Hán, nhất là chữ Hán hiện nay nhiều điều thú vị và có giá trị ứng dụng cao.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chọn nghiên cứu trường hợp, trên cơ sở phân tích tính chất biểu ý và quan niệm về chữ 孝 *hiếu*, bàn về phương pháp dạy chữ kết hợp với văn hóa, nhằm bồi dưỡng đạo đức xã hội, kĩ năng sống mà trước hết là nhận thức về trách nhiệm của con cái với cha mẹ và gia đình, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho sinh viên các trường chuyên ngữ ở nước ta.

2. Tính chất biểu ý của chữ 孝 *hiếu*

Về cấu tạo của chữ 孝 *hiếu*, quan điểm các học giả có đôi chỗ khác nhau. Cuốn tự điển cổ xưa nhất của Trung Quốc - *Nhĩ nhã* (尔雅) giải thích rằng: 孝 *hiếu* nghĩa là giỏi phụng sự cha mẹ (善事父母为孝 *thiện sự phụ mẫu giả vi hiếu*) [10]. Hứa Thận trong *Thuyết văn* cũng giải thích rằng: 孝 *hiếu* là chữ hội ý, gồm 老 *lão* lược bỏ phần dưới, bên phải kết hợp với 子 *tử* (con, người kế thừa sản nghiệp của cha mẹ) mà thành, dùng để chỉ những người con biết phụng sự cha mẹ (善事父母者, 从老省、从子, 子承老也 *thiện sự phụ mẫu giả, tòng lão tỉnh, tòng tử, tử thừa lão dã*) [许慎, 2012:290]. Tiêu Khởi Hồng cho rằng, 孝 *hiếu* là sự kết hợp hài hòa giữa chữ 老 *lão* và chữ 子 *tử*. Tác giả đã dẫn ra hai câu ngạn ngữ, một là 上老为根, 人伦之本 *thượng lão vi căn, nhân luân chi bản*, nghĩa là *trên biết kính trọng trưởng bối, đó là gốc rễ của đạo lí làm người*; 下子为嗣, 孝子继承 *hạ tử vi tự, hiếu tử kế thừa*, nghĩa là *dưới có con thờ tự, con có hiếu phải nối nghiệp cha mẹ* [萧启宏, 2004, tr.230]. Như vậy, Theo Tiêu Khởi Hồng, cốt lõi của chữ 孝 *hiếu* là biết kính trọng và kế thừa sự nghiệp của tiền nhân, giúp cho giống dòng mãi mãi dài lâu và ngày càng thịnh vượng. Người xưa có câu, *bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*, nghĩa là: *có ba tội bất hiếu, trong đó không có con nối dõi là tội lớn nhất*.

Quan sát chữ 孝 *hiếu* trong kim văn, phần trên là sự mô tả hình dạng người già đầu bạc, tay chống gậy, lưng còng, phần dưới là chữ 子 *tử* (con). Hai bộ kiện này kết hợp lại với ý nghĩa biểu trưng là hình ảnh người con dịu dặt cha già. Theo tập tục truyền thống, trước khi qua đời, người cha chỉ truyền sự nghiệp gia đình cho những đứa con có hiếu, có phẩm chất và năng lực nối nghiệp tổ tiên. Xã hội phong kiến đã đưa ra tiêu chuẩn đạo đức cho con người là 忠 *trung* và 孝 *hiếu*. 忠 *trung* là tiêu chuẩn đạo đức mà bề tôi phải tuân thủ trong quan hệ với vua, 忠 *trung* là tận tâm tận lực trong mọi công việc. 孝 *hiếu* là đạo làm con trong quan hệ với cha mẹ. “*Trung hiếu* luôn đi liền với nhau và được coi là hai tiêu chuẩn đạo đức mà từ xã hội phong kiến xa xưa đã định đặt cho con người. Hai tiêu chuẩn đó đã được tuyệt đối hoá đến mức *quân xử thần tử, thần bất tử bất trung, phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu* (vua bảo bề tôi phải chết mà bề tôi không chịu chết là bề tôi bất trung, cha bắt con chết mà con không chịu chết là con bất hiếu)” [Phạm Ngọc Hàm, 2012, tr.211].

Chúng tôi cho rằng, tính chất biểu ý của chữ 孝 *hiếu* đã thể hiện ý nghĩa làm con phải biết tôn trọng, đề cao cha mẹ. Lúc còn nhỏ, cha mẹ hết lòng vì con, khi cha mẹ già yếu, đạo làm con phải biết quan tâm chăm sóc, yêu kính, phụng dưỡng cha mẹ. Người Trung Quốc xưa quan niệm rằng *nuôi con để phòng tuổi già* (养儿防老/ *dưỡng nhi phòng lão*). Người Việt Nam xưa cũng thường nói *trẻ trông cha, già cậy con*. Trong xã hội hiện đại, cùng với sự phát triển ngày càng cao của cơ sở kinh tế và y dược, sức khỏe của con người được cải thiện đáng kể, các bậc cha mẹ được hưởng lương hưu khi tuổi già ngày càng nhiều. Phúc lợi xã hội cũng dành một phần không nhỏ cho người cao tuổi, nhất là người già không nơi nương tựa, vì vậy, người cao tuổi không nhất thiết phải trông cậy vào các con. Tuy nhiên, quan niệm truyền thống về đạo hiếu vẫn được đông đảo quần chúng trong xã hội coi trọng.

3. Nghĩa của chữ 孝 hiếu

Về nghĩa của chữ 孝 hiếu, ngay từ mở đầu thiên *Tam tài chương đệ thất* cuốn *Hiếu kinh toàn tập* (孝经全集 - 三才章第七) đã giải thích rằng, Hiếu là những quy tắc vận hành của trời đất, là chuẩn mực hành vi cơ bản của con người (夫孝, 天之经也, 地之义也, 人之行也/ *phù hiếu, thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã, nhân chi hành dã*) [曾参、陈才俊、刘兆祥, 2011]. Trên tinh thần thiên, địa, nhân nhất thể (trời, đất và con người là một chỉnh thể), có thể thấy, thầy trò Khổng Tử đã đặt đạo hiếu ngang hàng với quy luật tồn tại của đất trời, đảm bảo cho trời đất và con người được tồn tại và phát triển vững bền. Thiên Học nhì đệ nhất trong sách *Luận ngữ* viết: *đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đệ* (弟子入则孝, 出则弟: 弟 đệ thông với 悌 để), nghĩa là: *người trẻ ở nhà phải biết trọn đạo hiếu với cha mẹ, bước ra xã hội phải biết yêu quý các bậc huynh trưởng* [孔丘, 2003, tr.3].

孝 hiếu trong các Từ điển tiếng Hán được giải thích như sau:

- *Tân hiện đại Hán ngữ từ điển 新现代汉语词典* đưa ra bốn nghĩa: 1) *Hết lòng phụng dưỡng và phục tòng cha mẹ*; 2) *Chịu tang, thời gian chịu tang*; 3) *Tang phục, hiếu phục* (trang phục của người con sống mặc khi chịu tang người người đã khuất); 4) *Nghi thức trong việc tang*. [王同亿, 1993, tr.1808].

- *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại 现代汉语规范词典* giải thích bốn nghĩa: 1) *Hiếu thuận*; 2) *Tập tục lễ nghi ngày xưa cần tuân thủ trong một thời gian nhất định sau khi các bậc tôn trưởng qua đời*; 3) *Tang phục*; 4) *Danh từ riêng, chỉ họ Hiếu*.

Cuốn từ điển này cũng dẫn ra các từ có chứa hiếu (孝) làm thành tố kết hợp như 孝道 hiếu đạo (đạo lí làm con đối với cha mẹ), 孝服 hiếu phục còn gọi là hiếu y (trang phục bằng vải thô hoặc gai màu trắng dùng cho người có bề trên trong gia đình qua đời theo tập tục cũ), 孝敬 hiếu kính (tận tâm phụng dưỡng và tôn kính cha mẹ), 孝女 hiếu nữ (người con gái có hiếu với cha mẹ), 孝顺 hiếu thuận (tận tâm phụng dưỡng và tuân theo ý muốn của cha mẹ), 孝心 hiếu tâm (tâm lòng hiếu thuận với cha mẹ), 孝子 hiếu tử (người con trai hết lòng hiếu thuận với cha mẹ) [李宝嘉、唐志超, 2001, tr.1241].

Chữ 孝 hiếu kết hợp với 仁 nhân, 義 nghĩa, 禮 lễ, 智 trí, 信 tín, 忠 trung, 恕 thứ, 悌 để hợp thành chín chữ thể hiện tư tưởng trung tâm của Nho giáo. Trong đó, 孝 hiếu là chuẩn mực về đạo làm con phải biết tri ân sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ, khi cha mẹ già yếu phải biết phụng dưỡng, là chỗ dựa vật chất và tinh thần cho cha mẹ. Khi cha mẹ mất, phải lo hậu sự chu toàn và biết tiết chế, chịu tang đủ ba năm. 悌 để là đạo làm em phải thương yêu kính trọng, nghe theo lời dạy bảo của các anh chị. Đó là hai chuẩn mực đạo đức của đạo làm con và em trong quan hệ gia đình.

Trong tiếng Việt, hiếu (孝), đồng âm với hiếu (好: ham thích) trong các từ hiếu học, hiếu kì, hiếu chiến, hiếu động, hiếu khách,...cả hai đều là những từ gốc Hán đã gia nhập hệ thống từ vựng tiếng Việt. Theo giải thích của Hoàng Phê (2020) trong *Từ điển tiếng Việt*, hiếu (孝) có thể là danh từ, dùng để chỉ (1) *lòng kính yêu và biết ơn đối với cha mẹ*; (2) *việc tang lễ của cha mẹ, của người hàng trên trong gia đình nói chung*. Khi làm tính từ, hiếu (孝) nghĩa là *có lòng kính yêu, hết lòng chăm sóc cha mẹ*. [Hoàng Phê, 2020, tr.704-705]. Ngoài vai trò là một từ đơn ra, hiếu (孝) còn kết hợp với các thành tố khác tạo từ ghép xuất hiện trong cả tiếng Hán và tiếng Việt, chẳng hạn như: hiếu (孝) kết hợp với để (悌), trung (忠), nghĩa (義), thuận (順), kính (敬), tạo thành các từ ghép đẳng lập hiếu để, trung hiếu, hiếu nghĩa, hiếu thuận, hiếu kính, biểu thị phẩm chất đạo đức, quy tắc ứng xử trong gia đình và xã hội của mỗi con người; hiếu (孝) kết hợp với tâm (心), chủ (主) tạo từ ghép chính phụ 孝心 hiếu tâm (tâm lòng hiếu thảo), 孝主 hiếu chủ (người chủ đám tang) chỉ xuất hiện trong tiếng Hán; hiếu (孝) kết hợp với hạnh, thảo, hỉ tạo thành các từ ghép đẳng lập hiếu hạnh, hiếu thảo, hiếu hỉ chỉ xuất hiện trong tiếng Việt.

Ở Việt Nam, từ xa xưa, ông cha ta thường răn dạy các con bằng câu *gia bản tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thân*, nghĩa là *nhà nghèo mới biết con có hiếu, đất nước xảy ra chiến tranh mới biết ai là bề tôi trung thành*. Gia cảnh nghèo túng, thiếu thốn về vật chất mới biết tấm lòng thơm thảo của những đứa con biết nhường cơm sẻ áo, biết hi sinh bản thân để báo đáp công ơn cha mẹ. Nước có chiến tranh cần đến sự hi sinh của bề tôi để gìn giữ chủ quyền của quốc gia, ngôi vị của vua chúa. Chỉ có qua thử thách mới biết được đức hi sinh vì nghĩa cả của các bậc anh hùng.

Trong xã hội mới, *trung hiếu* vẫn được coi là chuẩn mực đạo đức của con người. Câu nói *trung với Đảng, hiếu với dân* đã là câu cửa miệng của thanh niên thời đại chống Mỹ cứu nước và là lời răn thường được nhắc đến trong mỗi buổi phát thanh Quân đội Nhân dân *Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng*. Như vậy, nội hàm của *trung* và *hiếu* đã có thay đổi, đặc biệt là chữ *孝 hiếu* đã vượt ra khỏi phạm vi gia đình, đến với xã hội. Chữ *孝 hiếu* đã bắt đầu từ quan hệ gia đình, mở rộng ra quan hệ xã hội. Học giả hiện đại cho rằng, gia đình là tế bào của xã hội, cũng là hình ảnh thu nhỏ của xã hội, điều đó càng chứng tỏ, giáo dục đạo đức từ trong gia đình là vô cùng quan trọng, tạo nền tảng cho thế hệ trẻ vững bước gia nhập cuộc sống xã hội sau khi đã trưởng thành. Ý nghĩa vốn có của *孝 hiếu* là chỉ đạo lí làm con đối với cha mẹ đến nay vẫn còn nguyên vẹn, có điều người thời nay bàn luận tới là đạo làm con nên *孝顺 hiếu thuận* (nghe theo cha mẹ một cách vô điều kiện là biểu hiện của chữ *孝 hiếu*) hay là *孝敬 hiếu kính* (kính trọng cha mẹ, nhưng không phải tuân thủ mọi sự sắp đặt của cha mẹ một cách vô điều kiện, mà có chính kiến, chọn lựa, quyết định của mình).

Trong 50 câu nói về đạo hiếu của người xưa, có câu viết rằng, *thân thể, da tóc của các con được thụ bẩm từ cha mẹ, không dám làm thương tổn bản thân chính là sự mở đầu của đạo hiếu. Lập thân hành đạo, rạng danh với hậu thế để cha mẹ được hiển vinh, đó là sự tốt cùng của đạo hiếu* (身体发肤受之父母,不敢毁伤,孝之始也。立身行道,扬名于后世,以显父母,孝之终也/ *Thân thể phát phu thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy dã. Lập thân hành đạo, dương danh vu hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã*). Điều đó chứng tỏ, ngay từ xa xưa, chữ *孝 hiếu* đã thể hiện cao độ sự kính trọng của các con đối với cha mẹ, đồng thời thể hiện ước nguyện của cha mẹ với các con cũng như quá trình phấn đấu vươn lên, xứng đáng là người kế thừa và phát huy truyền thống của dòng tộc. Điều đó quyết định bởi vai trò của giáo dục mà trước hết là giáo dục trong gia đình. Chữ *孝 hiếu* ngoài trường hợp độc lập tạo thành một chữ phức thể gồm hai bộ kiện ra, còn đóng vai trò làm trợ tố kết hợp với 父 *phân văn* (ngọn roi/ vũ khí) tạo thành chữ 教 *giáo* (dạy). Tính chất biểu ý của chữ 教 *giáo* thể hiện ở nội dung, mục tiêu, cũng là kết quả của giáo dục trước hết là dạy đạo hiếu để các con biết cách phụng sự cha mẹ, sau đó biết đối nhân xử thế khi bước ra ngoài xã hội. Những bậc trí thức cao niên ở Trung Quốc, Đài Loan và cả Việt Nam ta thường dùng câu: *Dưỡng bất giáo phụ chi quá, giáo bất nghiêm sư chi noạ* (nuôi mà không dạy là lỗi tại cha, dạy mà không nghiêm là do thầy lười) để răn dạy hậu thế. Chúng tôi cho rằng, từ góc độ làm cha mẹ, làm thầy cô và cả góc độ làm con, làm học trò đều lĩnh hội được ý nghĩa sâu xa từ chân lí nuôi và dạy đó của người xưa.

Căn cứ vào cách giải thích của các bộ từ điển trên, có thể thấy, quan niệm về đạo hiếu nhấn mạnh ở điểm làm con phải biết tuân theo chỉ dạy của cha mẹ, phụng dưỡng cha mẹ khi tuổi cao sức yếu và chu đáo trong tang lễ. Là người Việt Nam, ai cũng đã từng nghe lời răn *Cá không ăn muối cá ương, con cãi cha mẹ trăm đường con hư*. Cha mẹ trải qua thực tế cuộc sống, tích lũy nhiều kinh nghiệm, hơn nữa lại xuất phát từ lòng yêu thương vô bờ bến, luôn lo lắng cho tương lai của các con, sẵn lòng chỉ bảo cho các con điều hay lẽ phải dựa theo vốn sống và quan điểm của mình. Tuy nhiên, cùng với dòng chảy thời gian, xã hội có nhiều biến đổi. Thế hệ trẻ ngày càng có điều kiện tiếp xúc với thế giới khách quan và tri thức của nhân loại, thường “khôn trước tuổi”. Trước khi bước vào cuộc sống độc lập, các em đã có những lựa chọn của mình và nhiều khi không trùng với ý tưởng của cha mẹ. Mặt

khác, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, văn hóa phương Tây coi trọng hoạt động cá nhân cũng ảnh hưởng rất lớn đến giáo dục gia đình và quá trình hình thành nhân cách của lớp trẻ. Vì vậy, cái gọi là *hiếu thuận* theo quan niệm xưa đã phần nào lạc hậu với thời đại. Quan điểm mới về chữ *孝 hiếu* đã cởi mở hơn: làm người con hiếu thảo không nhất thiết phải tuân thủ mọi sự sắp đặt của cha mẹ dành cho mình một cách vô điều kiện. Người con ngoan ngoãn giỏi giang vẫn có thể từ chối sự sắp đặt của cha mẹ để quyết định tương lai của mình.

4. Hệ quả sư phạm

Trên tinh thần giáo dục toàn diện, nhiệm vụ của người giảng viên đại học không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ tri thức khoa học, chuyên môn nghiệp vụ mà còn phải tiếp tục giáo dục đạo đức, uốn nắn và hoàn thiện nhân cách cho sinh viên. Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, văn hóa phương Tây ngày càng ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống, đồng thời, kinh tế xã hội phát triển, nhịp sống lao động ngày càng khẩn trương, thế hệ trẻ đang có xu hướng xem nhẹ quan hệ gia đình, tuổi còn trẻ nhưng vẫn muốn tách ra khỏi gia đình để thử nghiệm với cuộc sống tự lập. Vì vậy, việc giáo dục đạo đức trong đó có lòng hiếu thảo và trách nhiệm với cha mẹ cho thế hệ trẻ là rất cần thiết. Nắm bắt được tính chất biểu ý và hàm ý văn hóa của chữ Hán sẽ tạo cơ sở lý luận cho giảng viên vận dụng quy luật nhận thức *Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng*, và *từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn* vào quá trình dạy học chữ Hán, nhằm gợi mở cho sinh viên nhận thức về chữ và nghĩa một cách có cơ sở khoa học.

Chữ Hán là thể kết hợp giữa ba yếu tố: hình, âm và nghĩa, đặc biệt là vai trò của những thành tố biểu nghĩa trong các chữ Hán cấu tạo theo phương pháp hội ý và hình thanh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy học. Nếu biết vận dụng phương pháp phân tích để xác định vai trò của thành tố biểu ý trong quan hệ với nghĩa gốc và từ nghĩa gốc liên hệ đến các nghĩa phái sinh của chữ Hán, việc nhận diện và tái hiện chữ Hán sẽ có cơ sở khoa học, giúp sinh viên nhớ nhanh và nhớ lâu. Bằng phương pháp phân tích này, thông qua giáo án điện tử trình chiếu trên màn hình một số chữ tiêu biểu trong điều kiện thời gian phân bố của mỗi giờ học cho phép, bài giảng sẽ giúp sinh viên phát huy năng lực quan sát, phát hiện vấn đề và nâng cao năng lực tư duy liên tưởng khi tiếp cận với chữ Hán trong quan hệ giữa chữ và nghĩa. Chẳng hạn như trường hợp chữ *孝 hiếu*, giảng viên trên cơ sở hướng dẫn sinh viên nắm được các nguyên tắc cấu tạo chữ Hán và ý nghĩa của các bộ thủ thường gặp, gợi mở cho sinh viên vận dụng phương pháp phân tích, tách chữ này thành hai bộ kiện *耂 lão* và *子 tử*, trong đó chú trọng cấu trúc trên dưới, bằng kỹ xảo xử lý hình ảnh trên màn hình, kích thích khả năng nghe, nhìn, phát huy vai trò của nhiều giác quan trong quá trình tiếp thu bài giảng. Hứng thú học tập cũng được nhân lên từ những thủ pháp này.

Nhằm giúp cho sinh viên có định hướng chính xác trong quan sát và tư duy, giảng viên cần chú trọng khâu thiết kế hệ thống câu hỏi gợi theo nguyên tắc từ dễ đến khó, từ trực quan đến trừu tượng. Từ việc nắm được mối quan hệ giữa chữ và nghĩa, tiến tới mở rộng vấn đề, chẳng hạn như sau khi học xong chữ *孝 hiếu*, giảng viên phát triển sang phân tích nghĩa của các từ *孝顺 hiếu thuận*, *孝敬 hiếu kính*,... Trên cơ sở đó dành thời gian nhất định cho sinh viên thảo luận nhóm hoặc tổ chức seminar nhằm đa dạng hóa hình thức hoạt động trên lớp. Sinh viên có thể đưa ra quan điểm của mình về thế nào là người con có hiếu? Trong thời đại ngày nay, *hiếu thuận* còn phù hợp hay không? Làm thế nào để kế thừa và phát huy đạo đức truyền thống của dân tộc trong quan hệ gia đình?, v.v. Qua đó, nâng cao năng lực tích lũy và vận dụng kiến thức, rèn luyện khả năng biểu đạt, tranh luận và năng lực hợp tác trong học tập. Nếu điều kiện thời gian trên lớp không cho phép, giảng viên có thể giao bài tập dạng này cho sinh viên thực hiện trong quá trình tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

5. Kết luận

Chữ *孝 hiếu* là một chữ hội ý điển hình chứa đựng hàm ý văn hóa sâu sắc. Trong quá trình dạy học, nếu giảng viên biết khai thác hợp lý mối liên hệ giữa chữ và nghĩa trên cơ sở phân tích vai trò

của từng bộ kiện cũng như phương thức tạo chữ sẽ gây được hứng thú học tập, giúp sinh viên từ góc độ văn tự liên hệ đến văn hóa truyền thống. Bản thân chữ 孝 *hiếu* đã hội tụ được quan niệm về luân lý đạo đức, tôn ti trật tự xã hội thể hiện ngay từ phạm vi gia đình và từ gia đình phát triển sang quan hệ xã hội, thể hiện đầy đủ nguyên tắc phụ tử hữu thân, quân thần hữu lễ, trưởng ấu hữu biệt (cha con phải thân tình, vua tôi phải theo đúng lễ nghi, trẻ già phải có thứ bậc). Từ quan niệm truyền thống, sinh viên có thể liên hệ với thực tại, nhằm kế thừa truyền thống dân tộc, củng cố quan hệ gia đình và xã hội, với mục đích qua việc học chữ, một mặt nâng cao tri thức văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật, mặt khác học đạo làm người, góp phần nâng cao đạo đức của thế hệ trẻ trong thời đại quốc tế hóa hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phạm Ngọc Hàm (2012) *Chữ Hán: Chữ và nghĩa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Phạm Ngọc Hàm, Nguyễn Thị Thu Trang (2014), "Các chữ 尊 tôn và 道 đạo với việc giảng dạy chữ Hán và đạo làm người", Tạp chí *Ngôn ngữ*. Số 8.
3. Hoàng Phê (2020), *Từ điển tiếng Việt*, Đà Nẵng. Nxb Đà Nẵng.

Tiếng Trung Quốc

4. 孔丘 (2003), *论语*, 陕西旅游出版社。
5. 李葆嘉、唐志超 (2001), *现代汉语规范词典*, 吉林大学出版社。
6. 王同亿 (1993), *新现代汉语词典*, 海南出版社。
7. 萧启宏 (2004), *《从人字说起》*, 新世界出版社。
8. 许慎 (2012), *说文解字*, 中国书店。
9. 曾参、陈才俊、刘兆祥 (2011), *孝经全集*, 海潮出版社。
10. http://www.360doc.com/content/19/0408/15/99076_827225816.shtml, truy cập 2/2/2021.

Discussion of the word 孝 (filial piety) in giving moral education to students

Abstract: Chinese writing is ideographic in a sense that each character represents an idea that reflects a life aspect. Learning Chinese characters, students can understand how ancient people viewed the relationship between humans and nature, or between humans and society, especially how to behave morally. Over the long course of history, people's perspectives about morality have always changed, but some moral principles will remain for eternity. The word 孝 (filial piety) is a typical example. In the article, synthesis method is used to analyze meaning of the word 孝 (filial piety) in association with teaching character form and giving moral lessons so that well-rounded education can be offered to students at foreign language specialized universities in Vietnam.

Key words: 孝 (filial piety); character form and meaning; education; foreign language; university students in Vietnam.